

Mẫu số: D24-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP

ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẾN TRE
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN BÌNH ĐẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204 /TB-THADS

Bình Đại, ngày 16 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ các Quyết định số 99/2023/QĐCNHGT-DS ngày 17 tháng 07 năm 2023, số 87/2022/QĐCNHGT-DS, số 88/2022/QĐCNHGT-DS, số 89/2022/QĐCNHGT-DS, số 90/2022/QĐCNHGT-DS, số 91/2022/QĐCNHGT-DS, số 93/2022/QĐCNHGT-DS, số 92/2022/QĐCNHGT-DS cùng ngày 21 tháng 6 năm 2023 cùng của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; Quyết định số 78/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Bản án số 61/2023/DSST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Bản án số 36/2023/DSST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Quyết định số 389/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, Bản án số 37/2023/DSST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Quyết định số 390/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; Bản án số 51/2023/DSST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Quyết định số 60/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; Bản án số 50/2023/DSST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Quyết định số 61/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; Quyết định số 117/2023/QĐCNHGT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại; Quyết định số 21A/2024/QĐCNHGT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, số 30/2024/QĐCNHGT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, số 24/2024/QĐCNHGT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 cùng của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại;

Căn cứ các Quyết định thi hành án số 1122/QĐ-CCTHADS, số 1127/QĐ-CCTHADS, số 1126/QĐ-CCTHADS, số 1124/QĐ-CCTHADS, số 1123/QĐ-CCTHADS, số 1125/QĐ-CCTHADS, số 1128/QĐ-CCTHADS cùng ngày 12 tháng 7 năm 2023, số 1165/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 8 năm 2023, số 19/QĐ-CCTHADS, số 20/QĐ-CCTHADS, số 21/QĐ-CCTHADS, số 26/QĐ-CCTHADS cùng ngày 06 tháng 10 năm 2023, số 563/QĐ-CCTHADS, số 564/QĐ-CCTHADS cùng ngày 15 tháng 02 năm 2024, số 999/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2024, số



556/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 02 năm 2024, số 1306/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 7 năm 2024, số 1593/QĐ-CCTHADS, số 1591/QĐ-CCTHADS, số 1595/QĐ-CCTHADS cùng ngày 06 tháng 8 năm 2024, số 62/QĐ-CCTHADS, số 63/QĐ-CCTHADS, số 64/QĐ-CCTHADS cùng ngày 05 tháng 11 năm 2024 cùng của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre,

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 06/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 260/2025/551 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định giá số: 548/TB-CCTHADS ngày 22 tháng 4 năm 2025 của chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ thông báo số 658/TB-THADS ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá của chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại lựa chọn **Công ty đấu giá hợp danh Tây Nam. Số 04 Nguyễn Bình Khiêm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang- Chi nhánh Bến Tre số 3E1, Khu phố Mỹ Tân, phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên sau:

Tài sản kê biên của bà Phạm Thị Ngọc Huệ – sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn Tùng, -sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre - địa chỉ ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre gồm:

1. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 510 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại diện tích 177,70 m² có giá 369.890.724 đồng;

- 12 cây xoài 07 năm tuổi có giá 40.860.000 đồng.

Tổng cộng: 410.750.724 đồng (Bốn trăm mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

2. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 573 tờ bản đồ số 11 diện tích 166,60m² tọa lạc tại ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre có giá 398.502.369 đồng.

- Công trình xây dựng trên đất của bà Quách Thị Lê (nhà, mái che, hàng rào, cổng hàng rào) có giá 645.610.045 đồng.

Tổng cộng: 1.044.112.414 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu một trăm mười hai ngàn bốn trăm mười bốn đồng).

3. Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thửa đất 491 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức, có diện tích 500,30m² có giá 766.728.261 đồng.

- Công trình xây dựng (nhà, nhàu sau, mái che, cổng rào, hàng rào trước nhà, tường rào hông nhà, hàng rào B40) có giá 485.561.251 đồng.

- Cây trồng trên đất:

+ 06 cây xoài 05 năm tuổi: có giá 20.430.000 đồng.

+ 12 cây mai 04 năm tuổi có giá: 1.200.000 đồng.

+ 03 cây mít 01 năm tuổi có giá 540.000 đồng.

+ 01 cây nhãn 05 năm tuổi có giá 1.945.000 đồng.

+ 03 cây nhãn 01 năm tuổi có giá 759.000 đồng.

Tổng cộng: 1.277.163.512 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm mười hai đồng).

4. Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa đất 78 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Thừa Trung, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại diện tích 2.238,70m² có giá 281.950.833 đồng.

Tổng cộng các tài sản có giá: 3.013.977.483 đồng. Làm tròn: 3.013.977.000 đồng (Ba tỷ không trăm mười ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Vậy, thông báo để người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu: VT, HSTHA.



Trần Thanh Thiên Lý



PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH BẾN TRE
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN BÌNH ĐẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Đại, ngày 16 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

* Tài sản kê biên của bà Phạm Thị Ngọc Huệ – sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn Tùng, -sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre - địa chỉ ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

1. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 510 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại diện tích 177,70 m²

- 12 cây xoài 07 năm tuổi

2. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 573 tờ bản đồ số 11 diện tích 166,60m² tọa lạc tại ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

- Công trình xây dựng trên đất của bà Quách Thị Lê (nhà, mái che, hàng rào, cổng hàng rào)

3. Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thửa đất 491 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thừa Tiên, xã Thừa Đức

- Công trình xây dựng (nhà, nhàu sau, mái che, cổng rào, hàng rào trước nhà, tường rào hông nhà, hàng rào B40)

- Cây trồng trên đất:

+ 06 cây xoài 05 năm tuổi

+ 12 cây mai 04 năm tuổi

+ 03 cây mít 01 năm tuổi

+ 01 cây nhãn 05 năm tuổi

+ 03 cây nhãn 01 năm tuổi

4. Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa đất 78 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Thờ Trung, xã Thờ Đức, huyện Bình Đại diện tích 2.238,70m²

2. Giá khởi điểm:

1. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 510 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thờ Tiên, xã Thờ Đức, huyện Bình Đại diện tích 177,70 m² có giá 369.890.724 đồng;

- 12 cây xoài 07 năm tuổi có giá 40.860.000 đồng.

Tổng cộng: 410.750.724 đồng (Bốn trăm mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

2. Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thửa 573 tờ bản đồ số 11 diện tích 166,60m² tọa lạc tại ấp Thờ Long, xã Thờ Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre có giá 398.502.369 đồng.

- Công trình xây dựng trên đất của bà Quách Thị Lê (nhà, mái che, hàng rào, cổng hàng rào) có giá 645.610.045 đồng.

Tổng cộng: 1.044.112.414 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu một trăm mười hai ngàn bốn trăm mười bốn đồng).

3. Quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thửa đất 491 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp Thờ Tiên, xã Thờ Đức, có diện tích 500,30m² có giá 766.728.261 đồng.

- Công trình xây dựng (nhà, nhàu sau, mái che, cổng rào, hàng rào trước nhà, tường rào hông nhà, hàng rào B40) có giá 485.561.251 đồng.

- Cây trồng trên đất:

+ 06 cây xoài 05 năm tuổi: có giá 20.430.000 đồng.

+ 12 cây mai 04 năm tuổi có giá: 1.200.000 đồng.

+ 03 cây mít 01 năm tuổi có giá 540.000 đồng.

+ 01 cây nhãn 05 năm tuổi có giá 1.945.000 đồng.

+ 03 cây nhãn 01 năm tuổi có giá 759.000 đồng.

Tổng cộng: 1.277.163.512 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm mười hai đồng).

4. Quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa đất 78 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Thờ Trung, xã Thờ Đức, huyện Bình Đại diện tích 2.238,70m² có giá 281.950.833 đồng.

Tổng cộng các tài sản có giá: 3.013.977.483 đồng. Làm tròn: 3.013.977.000 đồng (Ba tỷ không trăm mười ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam, địa chỉ số 04 Nguyễn Bình Khiêm, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tổng số điểm: 92 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Công ty Đấu giá hợp danh Tây Nam
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ	2,0



	<i>đấu giá)</i>	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	0,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0

4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	50,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> <i>(Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)</i>	15
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i> <i>(Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)</i>	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i> <i>(Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)</i>	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	



3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	2,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	3,0
7.1	Dưới 05 năm	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	3,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
	Tổng số điểm	92



Nơi nhận:

- Trang TTĐT CTHADS tỉnh Bến Tre;
- Cổng TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, HSTHADS.

CHẤP HÀNH VIÊN



Trần Thanh Thiên Lý